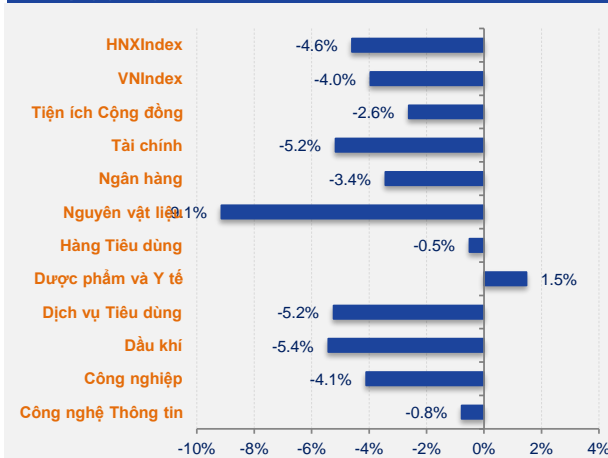
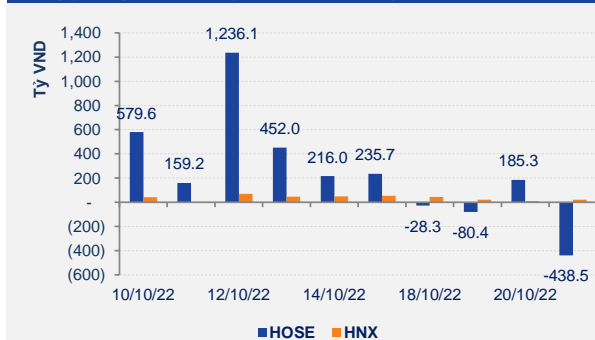
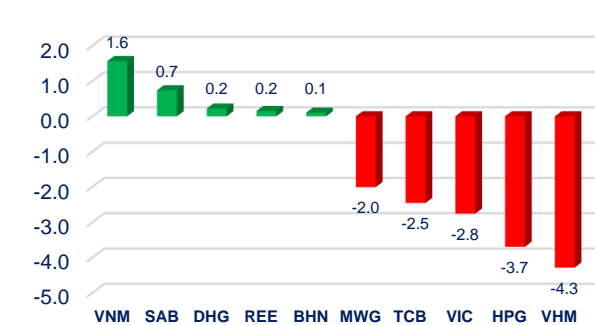


# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 17/10/2022 - 21/10/2022

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thống kê thị trường</b>				
Index	1,019.82 ↓	-4.0%	217.41 ↓	-4.6%
KLGD (trCP)	2,376.48 ↓	-18.3%	280.26 ↓	-6.7%
GTGD (tỷ VND)	50,972.95 ↓	-18.8%	4,971.95 ↑	4.7%
Tổng cung (trCP)	4,004.74 ↓	-43.7%	422.66 ↓	0.0%
Tổng cầu (trCP)	4,165.85 ↓	-42.6%	361.05 ↓	-8.8%
<b>Giao dịch NĐT nước ngoài</b>				
KL mua (trCP)	181.52 ↓	-34.1%	5.18 ↓	-15.7%
KL bán (trCP)	221.26 ↑	19.9%	1.03 ↑	76.9%
GT mua (tỷ VND)	5,508.65 ↓	-24.7%	174.80 ↓	-20.9%
GT bán (tỷ VND)	5,634.83 ↑	20.5%	24.63 ↑	63.7%

**Biến động giá Ngành theo Tuần**

**Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài**

**TOP CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX**

**THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA**

Thị trường giảm trở lại trong tuần giao dịch qua với thanh khoản tiếp tục suy giảm. Thị trường bắt đầu lao dốc mạnh trước áp lực bán tháo ồ ạt vào phiên cuối tuần sau 4 phiên VN-Index đi ngang trong biên độ hẹp. Phiên giảm điểm này đã tiếp tục đánh mạnh tâm lý các nhà đầu tư vốn đã rất yếu trong bối cảnh hiện tại.

Kết thúc tuần giao dịch, VN-Index giảm 42,03 điểm (-3,96%) xuống 1.019,82 điểm, HNX-Index giảm 8,47 điểm (-4,6%) xuống 217,41 điểm. Giá trị giao dịch trên HOSE giảm 18,8% so với tuần trước đó xuống 50.972 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 18,3% xuống 2.376 triệu cổ phiếu. Giá trị giao dịch trên HNX tăng 4,7% so với tuần trước đó lên 4.971 tỷ đồng, tuy nhiên khối lượng giao dịch giảm 6,7% xuống 280 triệu cổ phiếu.

Thị trường giảm điểm mạnh trong tuần qua khiến cho hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm, chỉ hiếm hoi nhóm ngành Dược phẩm và Y tế đi ngược thị trường chung.

Nhóm cổ phiếu nguyên vật liệu có diễn biến tiêu cực nhất trong tuần qua với mức giảm 9,1% giá trị vốn hóa, nguyên nhân chủ yếu đến các cổ phiếu thuộc ngành con thép như HPG (-13,1%), HSG (-11,7%), NKG (-8,7%)... và các mã thuộc ngành con hóa chất như DGC (-8,4%), DPM (-7,6%), DCM (7,42%)...

Đứng thứ hai là ngành dầu khí với mức giảm 5,4% giá trị vốn hóa, với các cổ phiếu tiêu biểu là PLX (-6,5%), BSR (-5,2%), OIL (-5,9%), PVS (-5,6%), PVT (-7,4%)... Nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng cũng mất 5,2% giá trị vốn hóa với MWG (-9,2%), FRT (-6,0%), DGW (-10,5%)...

Nhóm trụ cột thị trường là ngân hàng cũng mất 3,4% giá trị vốn hóa, khiến cho thị trường trở nên tiêu cực hơn với TCB (10,9%), BID (-1,2%), CTG (-4,6%), VPB (-3,7%), MBB (-9,6%), ACB (2,2%), SHB (-6,8%), STB (-9,6%), LPB (-6,9%), TPB (-2,4%)...

Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng đi theo thị trường chung với SSI (-9,5%), HCM (-8,2%), VND (-9,0%), SHS (-13,6%), VCI (-8,9%), MBS (-10,7%), CTS (-10,6%), BVS (-13,0%), FTS (-7,5%)...

Khối ngoại tuần qua bán ròng trên sàn HOSE và mua ròng trên sàn HNX, tổng cộng mua ròng 24 tỷ đồng. Xét theo khối lượng ròng, VNM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 4,3 triệu cổ phiếu. Tiếp theo là NKG và DCM với lần lượt 2,9 triệu cổ phiếu và 2,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 34,8 triệu cổ phiếu.

Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30F2210 đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 với mức chênh lệch -25,57 điểm cho thấy các trader vẫn đang nghiêng về khả năng thị trường tiếp tục giảm sâu hơn.

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 17/10/2022 - 21/10/2022

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



Sau tuần phục hồi ở vùng hỗ trợ tâm lý quanh 1.000 điểm, VN-INDEX lại tiếp tục giảm mạnh quay trở lại vùng 1.000 -1.030 điểm với thanh khoản thấp trong những phiên đầu tuần và tăng tăng mạnh đột biến tiêu cực trong phiên cuối tuần.

Hiện tại VN-INDEX vẫn đang nằm dưới ngưỡng 1.110 điểm, tương ứng với trendline nối các đáy vào tháng 5 và tháng 7 với nhau. Do đó, VN-INDEX vẫn còn đối diện với rủi ro quay trở lại đà giảm với vùng giá mục tiêu trong trường hợp này là quanh ngưỡng 950 điểm tương ứng với kênh giá sideways down như hình trên trong trường hợp không giữ được vùng hỗ trợ tâm lý quanh 1.000 điểm

Chỉ báo động lượng RSI (14) trên đồ thị tuần đang trong vùng quá bán (<30) trong 03 phiên liên tiếp nằm trong vùng này. Trong khi ở thời điểm giảm mạnh do đại dịch covid tháng 03/2022 là 04 tuần. Điều này cho thấy xu hướng trung hạn và tâm lý đang ở tình trạng tê liệt, quá bán. Trường hợp VN-INDEX giữ được vùng hỗ trợ tâm lý tại mốc 998,64 mới thiết lập đầu tháng 10 vừa qua thì có thể kỳ vọng vào kịch bản 02 đáy ngắn hạn và phục hồi trở lại. Trường hợp tiêu cực chỉ số có rủi ro tiếp tục suy giảm về quanh vùng 950 điểm.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau tuần phục hồi trước, VN-INDEX tuần vừa qua giảm -3,96% về mức 1.019,82 điểm. Thanh khoản tăng đột biến ở phiên cuối tuần với áp lực bán mạnh đến từ nhóm tài chính, ngân hàng, bất động sản.

VN-INDEX phục hồi lên tới vùng giá 1.069-1.075 điểm, tương ứng vùng giá thấp trước thời điểm giảm mạnh ngày 07/10/2022, sau đó chịu áp lực bán và khả năng sẽ kiểm tra lại vùng hỗ trợ tâm lý quanh 1.000 điểm, cũng là vùng giá thấp nhất năm 2021. Xu hướng ngắn hạn chưa thể cải thiện với xu hướng trung hạn tiếp tục suy giảm, tê liệt dưới áp lực giải chấp, rút vốn mạnh khi kênh giá nối các vùng giá thấp nhất tháng 05, 07/2022 không giữ được hỗ trợ. Thị trường đang chịu áp lực bán tương đương thời điểm khủng hoảng do đại dịch covid tháng 03/2020.

Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng thấp, có thể xem xét chọn lọc giải ngân từng phần các mã cơ bản tốt sau quá trình giảm mạnh về các vùng hỗ trợ mạnh, định giá hấp dẫn và vẫn duy trì tăng trưởng tốt. Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý.



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 17/10/2022 - 21/10/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
HAH	40.45	40-43	60-61	38	3.9	106.8%	191.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DGC	73.10	63-68	88-92	57	5.5	96.3%	454.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	43.60	44-50	62-64	42	8.1	-49.0%	-32.6%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	25.15	25-26.5	32-33	22	5.5	18.8%	-26.7%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	13.40	15-17	22-23	13	6.4	-20.3%	-8.8%	Theo dõi chờ giải ngân
KDH	23.85	25-28	33-34	23	12.3	-34.1%	24.6%	Theo dõi chờ giải ngân
NLG	24.60	25-28	33-35	22	11.9	209.6%	135.4%	Theo dõi chờ giải ngân
SZC	31.65	30-33	43-44	29	11.7	17.0%	-44.1%	Theo dõi chờ giải ngân
BMP	59.80	57-60	66-68	52	13.6	7.1%	247.2%	Theo dõi chờ giải ngân
PVT	17.50	18-19.1	24-26	17	8.6	19.6%	-11.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	22.00	23-23.7	28-29	21	19.7	24.7%	-92.0%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	15.10	16-17	22-23	14	12.6	-2.4%	40.5%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
29/6/2022	VPI	58.40	57.45	76-78	58	1.65%	Nắm giữ
5/10/2022	GIL	30.05	29.00	41-42	28	3.62%	Nắm giữ
10/10/2022	TNG	15.70	15.20	21-22	14.5	3.29%	Nắm giữ
10/10/2022	NKG	15.85	15.15	20-21	15.5	4.62%	Nắm giữ
10/10/2022	HPG	16.90	17.65	24-25	18	-4.25%	Bán, phạm dừng lỗ
10/10/2022	DPG	27.90	29.80	40-41	29.5	-6.38%	Bán, phạm dừng lỗ
14/10/2022	IJC	13.05	13.80	20-22	12	-5.43%	Nắm giữ
17/10/2022	VCG	15.85	16.50	22-24	15.8	-3.94%	Nắm giữ
17/10/2022	DBC	17.05	18.30	25-27	16.4	-6.83%	Nắm giữ



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 17/10/2022 - 21/10/2022

TỔNG HỢP KQKD CÁC DOANH NGHIỆP VN30 Quý 3 năm 2022									
STT	MÃ	DOANH THU				LỢI NHUẬN			
		Q3.2022	YoY (%)	9T.2022	YoY (%)	Q3.2022	YoY (%)	9T.2022	YoY (%)
1	ACB	7.091,00	24,6	20.864,06	18,6	3.586,99	70,6	10.817,68	50,8
2	FPT	11.147,00	27,8	30.975,00	24,1	1.374,60	-21,7	4.856,00	28,3
3	PDR	11,11	-99,1	1.489,94	-37,7	711,20	17,2	1.399,13	26,1
4	SAB	8.635,08	101,6	24.949,88	43,6	1.394,60	195,5	4.423,92	74,9
5	SSI*	1.285,95	-25,3	4.824,28	-2,0	309,13	-53,7	1.409,19	-15,1
6	TCB	10.338,37	17,8	31.474,76	16,9	5.367,54	21,1	16.864,34	23,0
7	TPB	3.764,99	2,5	11.953,82	20,7	1.711,62	54,2	4.741,49	34,9
8	VPB	13.473,14	33,0	45.029,22	35,5	3.542,43	63,9	15.783,33	68,3

(\*): Số liệu dựa trên Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2022 của Công ty.



## TIN VĨ MÔ

**Tình có số khu công nghiệp đang hoạt động nhiều nhất cả nước**

Theo Báo cáo tình hình thành lập và phát triển Khu công nghiệp (KCN), Khu kinh tế (KKT) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cả nước hiện có 291 KCN đã đi vào hoạt động. Trong đó, 5 tỉnh, thành có nhiều KCN đang hoạt động nhất gồm có: Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM, Long An và Bắc Ninh.

**WB: Kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng đáng kinh ngạc trong quý III/2022**

Ngân hàng Thế giới (WB) công bố bản tin Cập nhật Tình hình Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 10 năm 2022. Theo đó, ghi nhận trong quý III/2022, nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao 13,7% so cùng kỳ năm 2021. Cũng nhờ hiệu ứng xuất phát điểm thấp, nên cộng dồn 3 quý đầu năm 2022, chỉ số tăng trưởng của nền kinh tế đạt 8,9% so cùng kỳ năm trước.

**Thu nhập bình quân công chức, viên chức TP.HCM cao hơn 1,6-2,8 lần theo quy định**

Mặc dù mức tăng chưa cao song mức lương tăng thêm đối với công chức, viên chức TP.HCM đã góp phần cải thiện đời sống của cán bộ; chất lượng công tác quản lý nhà nước và dịch vụ công được nâng cao, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh được cải thiện.

**Giá xăng dầu đồng loạt tăng tiếp từ chiều nay**

Từ 15h chiều nay, liên Bộ Tài chính, Bộ Công Thương quyết định điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu. Cụ thể, tại đợt điều chỉnh lần này, giá xăng E5 RON 92 tăng 200 đồng/lít, lên 21.490 đồng/lít; xăng RON 95 tăng 340 đồng/lít, lên 22.340 đồng/lít.

**Đấu giá biển số đẹp: Đề xuất thống nhất mức giá khởi điểm 40 triệu đồng**

Cho rằng quy định giá khởi điểm chia theo vùng không có ý nghĩa khi người tham gia đấu giá trên phạm vi toàn quốc, Ủy ban Quốc phòng và An ninh đề xuất áp dụng thống nhất một mức giá khởi điểm trên toàn quốc là 40 triệu đồng...

**9 tháng năm 2022, lượng khách du lịch nội địa vượt năm 2019**

Sau một thời gian ngắn mở cửa, du lịch Việt Nam đã phục hồi mạnh mẽ. Đặc biệt, lượng khách du lịch nội địa chỉ trong 9 tháng đã vượt cả năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm 2022, Lượng khách du lịch nội địa ở Việt Nam đạt 86,8 triệu lượt.

**Điểm danh các dự án đón vốn FDI "khủng" trong 9 tháng đầu năm**

Theo Bộ Kế hoạch - Đầu tư, tính đến 20/9/2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 18,7 tỷ USD. Trong đó bao gồm các dự án của nhiều Tập Đoàn lớn như LEGO (1 tỷ USD), Nhà máy Samsung Thái Nguyên (920 triệu USD),..



<b>TIN DOANH NGHIỆP</b>	
<b>Một DN bất động sản báo lãi sụt giảm 83% trong quý 3 trong khi doanh thu tăng đột biến 484%</b>	CTCP Đầu tư Nam Long (NLG) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 3/2022, ghi nhận doanh thu đột biến tăng 484% lên 882 tỷ đồng. Mặt khác, quý 3 năm nay không còn ghi nhận khoản lãi từ việc mua lại cổ phần Southgate như năm ngoái, theo đó LNST lại giảm mạnh 83% xuống 51 tỷ đồng.
<b>Fecon trúng 2 gói thầu mới tại dự án nhiệt điện và điện gió ngoài khơi</b>	Quý IV/2022, Công ty Cổ phần FECON (HoSE:FCN) đang tăng tốc bằng việc ghi nhận thêm các gói thầu mới thuộc 02 dự án lớn là Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II và dự án Thử nghiệm Điện gió ngoài khơi khu vực Đông Nam Á với tổng giá trị hợp đồng gần 250 tỷ.
<b>TPBank: Lãi trước thuế 9 tháng gần 5,926 tỷ nhờ tăng thu từ nợ đã xử lý, dòng tiền thuần âm 13,375 tỷ</b>	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank, HOSE: TPB) thu được gần 5,926 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế sau 9 tháng, tăng 35% so với cùng kỳ, nhờ tăng thu từ các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro.
<b>VND báo lãi sau thuế quý 3 giảm 83%</b>	Quý 3/2022, tự doanh của CTCP Chứng khoán VNDirect (HOSE: VND) thua sút cùng kỳ, doanh thu môi giới và bảo lãnh phát hành giảm mạnh. Đồng thời, chi phí tài chính và quản lý doanh nghiệp tăng mạnh. Theo đó, Công ty báo lãi sau thuế giảm tới 83%.
<b>Lãi sau thuế Kido xuống mức thấp nhất 4 năm</b>	CTCP Tập đoàn Kido (HOSE: KDC) khép lại kỳ kinh doanh quý 3/2022 với kết quả không mấy tích cực, khi chỉ thu về hơn 30 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, giảm 76% so với cùng kỳ.
<b>Thoát COVID-19, Sabeco lãi sau thuế gấp 3 lần cùng kỳ</b>	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco, HOSE: SAB) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 3/2022. Trong đó, Công ty thu về 8,635 tỷ đồng doanh thu thuần, gấp đôi cùng kỳ và 1,395 tỷ đồng lãi sau thuế, gấp 3 lần so với nền thấp của quý 3/2021.
<b>Saigon Glory của Bitexco cam kết sẽ mua lại trước hạn 10 ngàn tỷ đồng trái phiếu</b>	Ông Vũ Quang Bảo - Chủ tịch HDTV Saigon Glory và bà Bùi Thị Thanh Hiền - Phó Tổng giám đốc TVSI đã ký xác nhận việc Saigon Glory sẽ mua lại trước hạn toàn bộ 100 triệu trái phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 10 ngàn tỷ đồng theo 2 giai



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VNM	5,314,841	HPG	(34,801,016)
2	NKG	2,904,800	VND	(7,195,380)
3	DCM	2,701,000	VHM	(6,036,460)
4	CTG	2,401,600	DXG	(4,376,123)
5	SHB	2,315,200	GEX	(2,679,480)

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	2,270,400	EVS	(92,400)
2	PVS	1,162,200	KSQ	(14,400)
3	MBG	138,100	KVC	(13,600)
4	BVS	96,300	SD6	(11,600)
5	PVI	95,300	DHT	(10,500)

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	19.45	16.90	↓ -13.11%	142,762,950
SSI	17.90	16.20	↓ -9.50%	88,113,900
VND	14.50	13.20	↓ -8.97%	87,260,120
STB	17.65	15.95	↓ -9.63%	86,931,400
HAG	10.05	8.50	↓ -15.42%	81,577,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	23.30	22.00	↓ -5.58%	42,906,604
SHS	8.80	7.60	↓ -13.64%	40,732,279
IDC	47.50	43.50	↓ -8.42%	20,255,691
CEO	16.10	14.70	↓ -8.70%	20,041,907
HUT	19.40	18.00	↓ -7.22%	18,628,115

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
UDC	6.46	7.90	1.4	↑ 22.29%
PDN	107.10	123.70	16.6	↑ 15.50%
CCI	25.80	28.85	3.1	↑ 11.82%
DXV	4.60	5.00	0.4	↑ 8.70%
SRF	10.40	11.30	0.9	↑ 8.65%

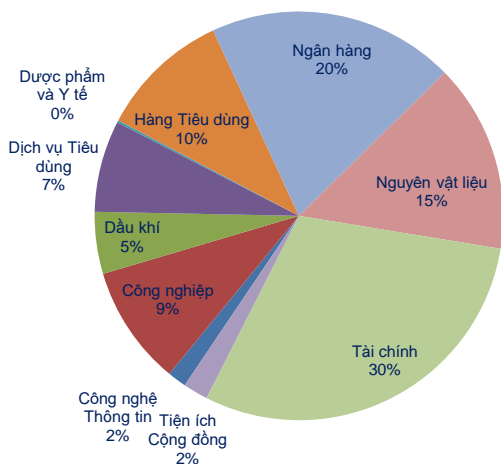
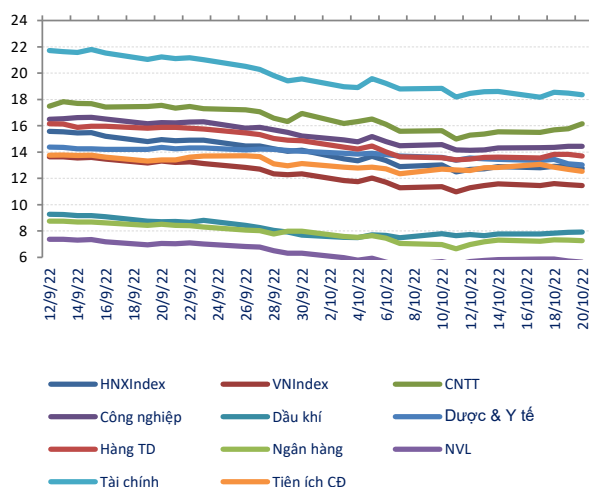
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KST	8.20	9.90	1.7	↑ 20.73%
NBW	24.20	28.70	4.5	↑ 18.60%
VC9	7.10	8.30	1.2	↑ 16.90%
V12	15.50	17.90	2.4	↑ 15.48%
DNM	16.90	18.90	2.0	↑ 11.83%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MDG	16.70	12.95	-3.8	↓ -22.46%
TNC	68.60	56.00	-12.6	↓ -18.37%
SGT	14.20	11.70	-2.5	↓ -17.61%
LHG	21.90	18.05	-3.9	↓ -17.58%
HAG	10.05	8.50	-1.6	↓ -15.42%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L43	7.20	5.40	-1.8	↓ -25.00%
TXM	4.40	3.40	-1.0	↓ -22.73%
VSA	26.00	21.10	-4.9	↓ -18.85%
TKC	6.50	5.30	-1.2	↓ -18.46%
KKC	15.80	12.90	-2.9	↓ -18.35%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị giao dịch tuần theo Ngành**

**Chuỗi PE ngành và thị trường**

**Top KLGD lớn nhất HOSE**

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	142,762,950	32.1%	5,164	3.5	0.8
SSI	88,113,900	13.0%	1,065	16.3	1.2
VND	87,260,120	12.3%	349	40.5	1.2
STB	86,931,400	10.3%	1,902	9.0	0.9
HAG	81,577,700	14.6%	750	12.1	1.8

**Top KLGD lớn nhất HNX**

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	42,906,604	4.1%	1,106	21.4	0.9
SHS	40,732,279	25.5%	1,133	7.4	0.6
IDC	20,255,691	34.0%	5,604	8.4	2.4
CEO	20,041,907	7.2%	969	16.8	1.2
HUT	18,628,115	6.1%	708	28.3	1.8

**Top Đột biến giá HOSE**

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
UDC	↑ 22.3%	-7.1%	-753	-	0.8
PDN	↑ 15.5%	29.4%	12,100	11.0	3.0
CCI	↑ 11.8%	6.6%	984	28.5	2.0
DXV	↑ 8.7%	1.9%	208	24.0	0.4
SRF	↑ 8.7%	4.0%	674	16.8	0.7

**Top Đột biến giá HNX**

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KST	↑ 20.7%	7.1%	789	12.5	0.9
NBW	↑ 18.6%	10.8%	1,648	17.4	1.9
VC9	↑ 16.9%	2.4%	47	178.0	67.1
V12	↑ 15.5%	6.0%	888	20.2	1.2
DNM	↑ 11.8%	-0.7%	-177	-	0.8

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE**

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	5,314,841	26.8%	4,534	17.1	4.4
NKG	2,904,800	30.2%	6,726	2.5	0.7
DCM	2,701,000	48.2%	7,567	4.2	1.7
CTG	2,401,600	15.1%	3,057	7.6	1.1
SHB	2,315,200	19.9%	2,857	3.8	0.7

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX**

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	2,270,400	34.0%	5,604	8.4	2.4
PVS	1,162,200	4.1%	1,106	21.4	0.9
MBG	138,100	13.0%	1,402	3.9	0.5
BVS	96,300	9.0%	2,687	6.6	0.6
PVI	95,300	8.0%	2,729	15.0	1.2

**Top Vốn hóa HOSE**

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	327,490	21.7%	5,271	13.1	2.7
VIC	223,497	-0.3%	-121	-	1.7
VHM	217,718	21.9%	6,510	7.7	1.7
GAS	212,257	23.6%	6,738	16.5	3.5
BID	167,690	14.6%	2,569	12.9	1.8

**Top Vốn hóa HNX**

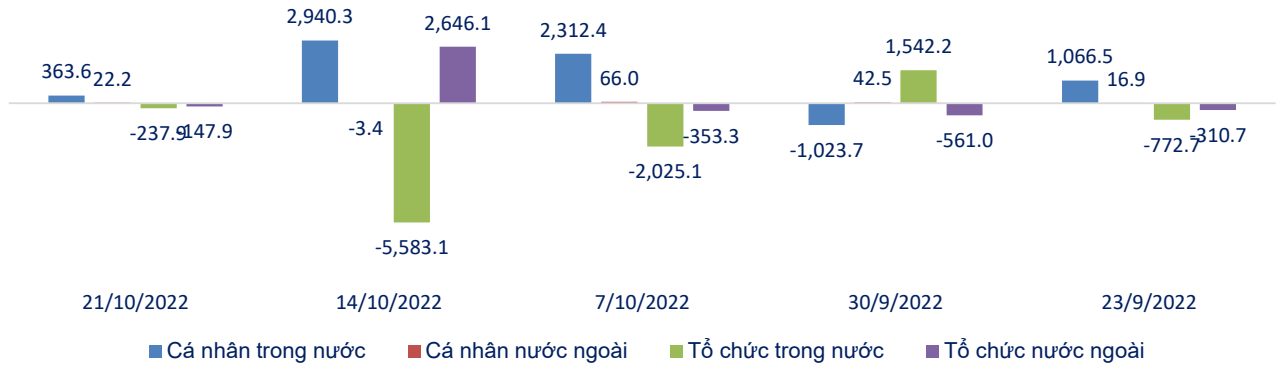
Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	22,530	6.6%	1,356	55.4	3.4
IDC	15,444	34.0%	5,604	8.4	2.4
THD	14,385	13.1%	2,295	17.9	2.4
BAB	11,550	7.9%	907	15.7	1.2
PVS	11,328	4.1%	1,106	21.4	0.9





## GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	649.66	32.1%	5,164	3.5	0.8
VHM	315.92	21.9%	6,510	7.7	1.7
TCB	261.77	21.1%	5,765	4.3	0.8
VND	143.37	12.3%	349	40.5	1.2
MBB	100.64	24.2%	3,467	4.9	0.9

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-493.77	26.8%	4,534	17.1	4.4
MSN	-191.78	27.1%	7,170	11.2	2.9
VCB	-181.32	21.7%	5,271	13.1	2.7
FRT	-129.95	35.3%	5,014	15.7	5.0
MWG	-105.61	23.6%	3,396	17.2	3.8

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	8.86	21.9%	6,510	7.7	1.7
DGC	7.12	67.9%	15,720	5.0	2.7
PNJ	4.59	20.1%	5,982	18.0	3.3
DSN	4.55	40.8%	6,320	7.9	2.8
GIL	3.85	20.3%	6,612	4.9	0.8

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-13.39	13.0%	1,065	16.3	1.2
VNM	-7.63	26.8%	4,534	17.1	4.4
VND	-4.71	12.3%	349	40.5	1.2
DGW	-4.22	42.9%	4,845	13.7	2.9
STB	-3.34	10.3%	1,902	9.0	0.9

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	102.86	23.6%	3,396	17.2	3.8
VNM	87.77	26.8%	4,534	17.1	4.4
FPT	69.94	22.3%	4,505	17.3	3.6
REE	61.47	14.1%	6,599	12.3	1.6
VCB	57.94	21.7%	5,271	13.1	2.7

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-261.77	21.1%	5,765	4.3	0.8
MBB	-100.37	24.2%	3,467	4.9	0.9
HDG	-65.49	25.1%	5,709	5.9	1.1
VPB	-61.15	19.2%	2,742	5.8	1.0
DGC	-53.68	67.9%	15,720	5.0	2.7

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

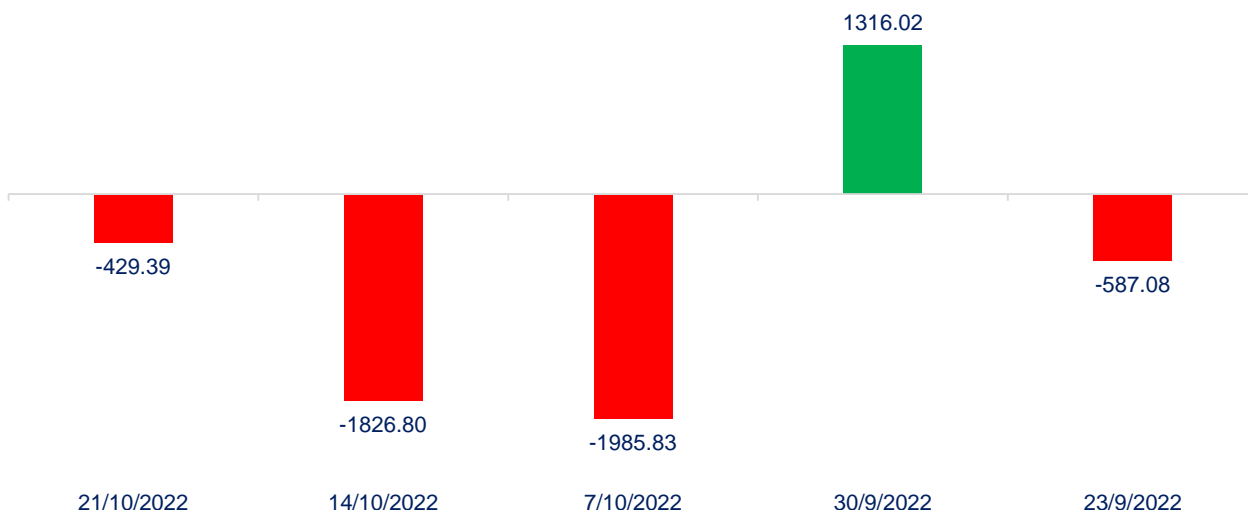
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	413.63	26.8%	4,534	17.1	4.4
MSN	164.00	27.1%	7,170	11.2	2.9
VCB	125.98	21.7%	5,271	13.1	2.7
DGC	102.10	67.9%	15,720	5.0	2.7
FRT	96.26	35.3%	5,014	15.7	5.0

## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

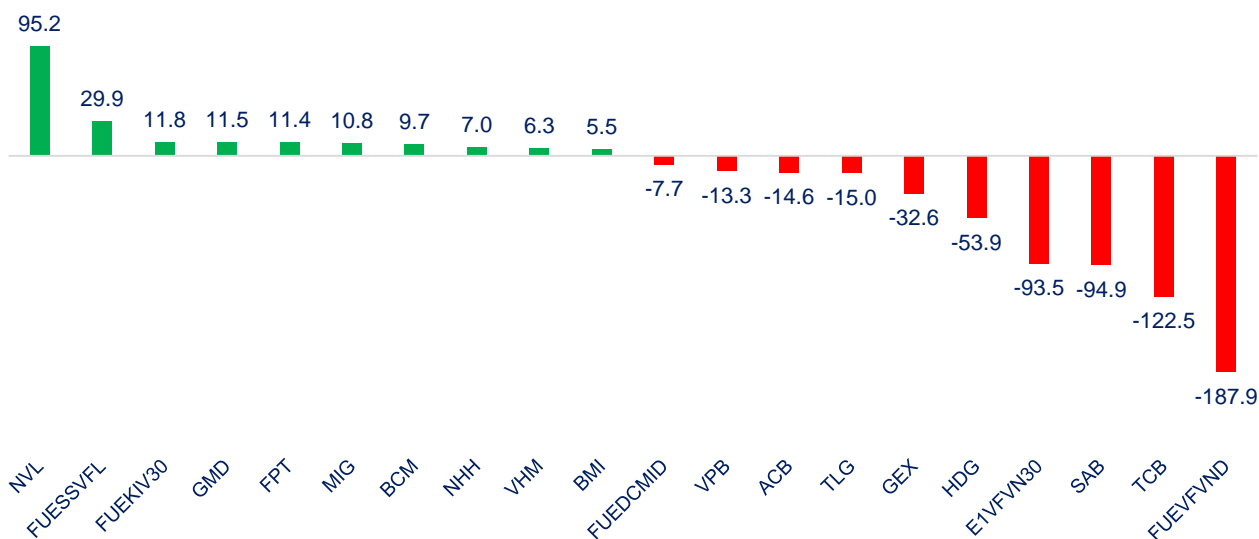
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-632.98	32.1%	5,164	3.5	0.8
VHM	-299.85	21.9%	6,510	7.7	1.7
NVL	-91.44	7.6%	1,655	45.4	3.3
VND	-90.32	12.3%	349	40.5	1.2
DXG	-71.36	5.3%	1,218	13.1	0.7



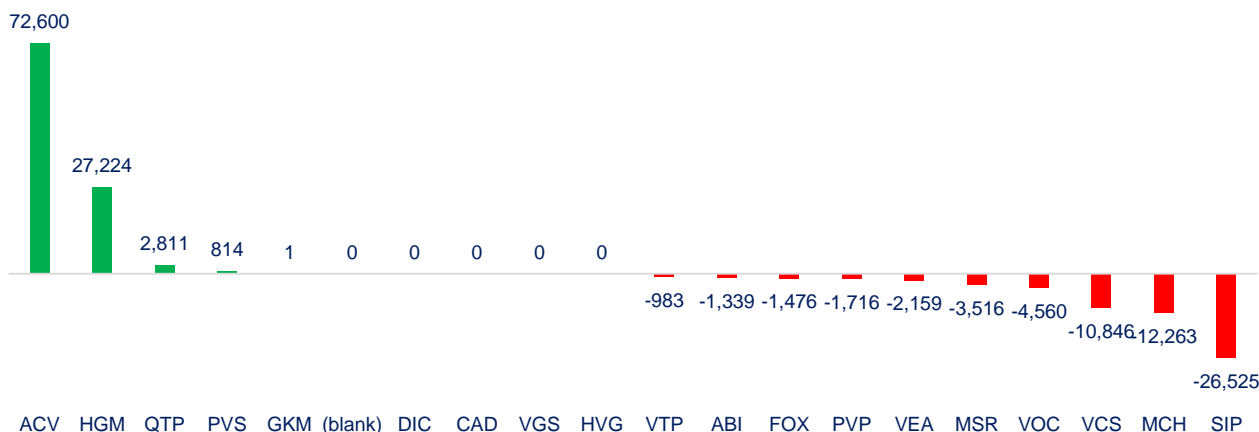
Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HNX và UPCOM (triệu đồng)





Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
4/11/2021	21/10/2022	21/10/2022	21/10/2022	<b>DIG</b>	Niêm yết thêm
12/11/2021	21/10/2022	21/10/2022	21/10/2022	<b>SSI</b>	Niêm yết thêm
16/9/2022	21/10/2022	27/9/2022	26/9/2022	<b>VTZ</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
16/9/2022	21/10/2022	22/9/2022	21/9/2022	<b>PHC</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/9/2022	21/10/2022	3/10/2022	30/9/2022	<b>SZE</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/9/2022	21/10/2022	7/10/2022	6/10/2022	<b>CSM</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/10/2022	21/10/2022	17/10/2022	14/10/2022	<b>VSA</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/10/2022	21/10/2022	24/10/2022	21/10/2022	<b>HUB</b>	Phát hành cổ phiếu
17/10/2022	21/10/2022	24/10/2022	21/10/2022	<b>HUB</b>	Phát hành cổ phiếu
18/8/2022	22/10/2022	5/9/2022	31/8/2022	<b>TKG</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
9/9/2022	22/10/2022	19/9/2022	16/9/2022	<b>VNY</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
16/9/2022	24/10/2022	23/9/2022	22/9/2022	<b>POS</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/9/2022	24/10/2022	6/10/2022	5/10/2022	<b>BSH</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/10/2022	24/10/2022	25/10/2022	24/10/2022	<b>BKG</b>	Phát hành cổ phiếu
17/10/2022	24/10/2022	25/10/2022	24/10/2022	<b>BKG</b>	Phát hành cổ phiếu
23/11/2021	25/10/2022	21/10/2022	21/10/2022	<b>GHC</b>	Niêm yết thêm
19/5/2022	25/10/2022	31/5/2022	30/5/2022	<b>CTW</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/8/2022	25/10/2022	25/8/2022	24/8/2022	<b>BCC</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/9/2022	25/10/2022	26/9/2022	23/9/2022	<b>PCT</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
14/9/2022	25/10/2022	28/9/2022	27/9/2022	<b>TDM</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
21/9/2022	25/10/2022	26/9/2022	23/9/2022	<b>HHN</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/9/2022	25/10/2022	10/10/2022	7/10/2022	<b>GMD</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/10/2022	25/10/2022	12/10/2022	11/10/2022	<b>DTP</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/10/2022	25/10/2022	10/10/2022	7/10/2022	<b>SLS</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/10/2022	25/10/2022	26/10/2022	25/10/2022	<b>SCR</b>	Phát hành cổ phiếu
18/10/2022	25/10/2022	26/10/2022	25/10/2022	<b>CT3</b>	Phát hành cổ phiếu
18/11/2021	26/10/2022	21/10/2022	21/10/2022	<b>VIX</b>	Niêm yết thêm
25/8/2022	26/10/2022	21/9/2022	20/9/2022	<b>ALT</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/9/2022	26/10/2022	3/10/2022	30/9/2022	<b>SPC</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/9/2022	26/10/2022	10/10/2022	7/10/2022	<b>XMP</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---